

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 09 - 2019
(Về việc xin ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn
Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm
Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 626/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 667/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Sao L, sinh năm 1986
Địa chỉ nơi ĐKNKTT: nhà không số, đường số 15, Khu T, khóm T, phường T, Tp C, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở: nhà không số, đường L, khóm B, phường T, Tp. C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Hồ Chí T, sinh năm 1984
Địa chỉ nơi ĐKNKTT: nhà không số, đường số 15, Khu T, khóm T, phường T, Tp C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Sao L trình bày, chị và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, TpCà Mau. Quá trình chung sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T cờ bạc bán hết tài sản, mâu thuẫn kéo dài càng trầm trọng. Chị L xác định hiện cả hai đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L xác định có 02 con chung tên Hồ Diễm P, sinh ngày 04/6/2010 và Hồ Ngọc A, sinh ngày 09/12/2015, hiện các con đang sinh sống chung với chị. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L xác định không có.

Về nợ chung: Chị L xác định không có.

Đối với anh Hồ Chí T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh T đã vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án. Do đó, tiến hành phiên xét xử vắng mặt và xem xét yêu cầu của chị L.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Sao L về việc xin ly hôn với anh Hồ Chí T thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; anh T là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại khóm T, phường T, Tp C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Sao L và anh Hồ Chí T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Tp Cà Mau và được cấp giấy chứng nhận. Quá trình chung sống không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T cờ bạc bán hết tài sản, mâu thuẫn kéo dài càng trầm trọng và chị L xác định mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Do anh T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, xem như anh T từ bỏ quyền trình bày của mình. Xem xét đơn yêu cầu của chị L: Về mâu thuẫn chị L xác định hiện cả hai đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, yêu cầu của chị L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn theo yêu cầu của một bên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn đối với anh T.

[4] Về con chung: Chị L xác định có 02 con chung tên Hồ Diễm P, sinh ngày 04/6/2010 và Hồ Ngọc A, sinh ngày 09/12/2015, hiện các con đang sinh sống chung với chị. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng chị L không đặt ra yêu cầu giải quyết. Xét thấy yêu cầu của chị L phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị L xác định không có.

[6] Về nợ chung: Chị L xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm chị L nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Sao L về việc xin ly hôn với anh Hồ Chí T.

Về con chung: Giao con chung tên Hồ Diễm P, sinh ngày 04/6/2010 và Hồ Ngọc A, sinh ngày 09/12/2015 (hiện các con đang sinh sống chung với chị L) cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng chị L không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị L xác định không có.

Về nợ chung: Chị L xác định không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình chị Nguyễn Thị Sao L nộp 300.000đ. Vào ngày 16 tháng 7 năm 2019, chị L đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0000462 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Diệp Chí Nguyên